

SỐ 220

# KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền*

*Trang.*

QUYỂN 51→100

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

### QUYỂN 51

#### Phẩm 14: NÓI VỀ ÁO GIÁP ĐẠI THỪA (3)

Bạch Thế Tôn, Bồ thí ba-la-mật-đa không buộc, không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tinh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tinh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là không, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô tướng. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, năm loại mắt không buộc, không mở; sáu phép thần thông không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh năm loại mắt không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là vô tướng. Vì tánh năm loại mắt là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không tịnh, nên không buộc, không mở.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bạch Thế Tôn, mười lực của Phật không buộc, không mở; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh mười lực của Phật không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là vô tướng. Vì tánh mười lực của Phật là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, chân như không buộc, không mở; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, pháp định, pháp trụ, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, thật tế, tánh vô vi không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh chân như không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, pháp định, pháp trụ, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, thật tế, tánh vô vi, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là vô tướng. Vì tánh chân như là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, Bồ-đề không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Bồ-

đề không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là vô tướng. Vì tánh Bồ-đề là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, Tát-đỏa không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Tát-đỏa không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là vô tướng. Vì tánh Tát-đỏa là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Đại Bồ-tát không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là vô tướng. Vì tánh Đại Bồ-tát là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, quả vị Giác ngộ cao tột không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là vô tướng. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là vô tướng. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, nói tóm lại, tất cả pháp đều không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh các pháp không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Khi ấy, Mãn Từ Tử hỏi Thiện Hiện:

–Tôn giả nói sắc không buộc, không mở; nói thọ, tưởng, hành, thức... không buộc, không mở chẳng?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Mãn Từ Tử hỏi:

–Những sắc nào là không buộc, không mở? Những thọ, tưởng, hành, thức nào là không buộc, không mở?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc như huyễn là không buộc, không mở. Thọ, tưởng, hành, thức như huyễn là không buộc, không mở. Sắc như mộng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như mộng là không buộc, không mở. Sắc như ảnh tượng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ảnh tượng là không buộc, không mở. Sắc như tiếng vang là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như tiếng vang là không buộc, không mở. Sắc như ánh sáng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ánh sáng là không buộc, không mở. Sắc như hoa đốm hư không là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như hoa đốm hư không là không buộc, không mở. Sắc như ánh nắng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ánh nắng là không buộc, không mở. Sắc như ảo thành là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ảo thành là không buộc, không mở. Sắc như biến hóa là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không sinh,

nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, sắc quá khứ không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không buộc, không mở. Sắc vị lai không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vị lai không buộc, không mở. Sắc hiện tại không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hiện tại không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, sắc thiện không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức thiện không buộc, không mở. Sắc bất thiện không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức bất thiện không buộc, không mở. Sắc vô ký không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô ký không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không, nên không buộc, không mở.

buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô tướng. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, sắc hữu nhiễm không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm không buộc, không mở. Sắc vô nhiễm không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô nhiễm không buộc, không mở. Sắc hữu tội không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu tội không buộc, không mở. Sắc vô tội không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô tội không buộc, không mở. Sắc hữu lậu không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu không buộc, không mở. Sắc vô lậu không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô lậu không buộc, không mở. Sắc tạp nhiễm không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức tạp nhiễm không buộc, không mở. Sắc thanh tịnh không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh không buộc, không mở. Sắc thế gian không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức thế gian không buộc, không mở. Sắc xuất thế gian không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là vô tướng. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là vô sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là vô sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, sắc, thọ, tưởng, hành, thức như vậy không buộc, không mở, nên biết, như vậy, thì nhãn xứ cho đến ý xứ, sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; địa giới cho đến thức giới; Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo; vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; bốn Tịch lự cho đến bốn Định vô sắc; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; pháp môn giải thoát Không cho đến pháp môn giải thoát Vô nguyện; Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng, chân như cho đến Vô vi, Bồ-đề, Tát-đỏa, Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột, bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tất cả pháp tương ứng với các pháp đó, cũng không buộc, không mở như vậy.

Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát đối với pháp môn không buộc, không mở như vậy, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết như thật; đối với bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở như vậy, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên siêng năng tu học.

Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên an trú bốn Tịch lự không buộc, không mở cho đến nên an trú trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở; lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên tạo sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình không buộc, không mở, nên làm nghiêm tịnh cõi Phật không buộc, không mở, nên thân cận cúng dường chư Phật không buộc, không mở, nên nghe, nhận lãnh pháp môn không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát ấy thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa năm loại mắt thanh tịnh không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa sáu phép thần thông thù thắng không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa pháp môn Đà-la-ni không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa pháp môn Tam-ma-địa không buộc, không mở.

Này Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát ấy sẽ phát sinh trí Đạo tướng không buộc, không mở; sẽ chứng đắc trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở; sẽ chuyển pháp luân không buộc, không mở; sẽ dùng ba thừa không buộc, không mở, an lập các hữu tình không buộc, không mở.

Này Mãn Từ Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa không buộc, không mở, có khả năng chứng đắc tất cả pháp không sở hữu, không buộc, không mở, nên xa lìa, tịch tĩnh, không, vô tướng, vô nguyện, không sinh, không diệt, không nhiễm,



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không tịnh cũng không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử nên biết, Đại Bồ-tát ấy gọi là người mặc áo giáp Đại thừa không buộc, không mở.

M